

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-3-2019
V/v Ly hôn giữa chị T và anh D”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Việt Hùng;

2. Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải N, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm MT, xã Hải Gang, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn D, đăng ký kết hôn ngày 23-10-2012 tại UBND xã Hải G, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm MT, xã Hải G. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Do không thể chung sống được nên chị T đã chuyển khẩu và về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hải N ở. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng

đã sống ly thân. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai người không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hồng Nhung sinh ngày 11-3-2013 nhưng đã chết ngày 16-6-2013.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn D đến Tòa án để làm việc và giao nhận các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D đều vắng mặt. Bà Trần Thị Kh là mẹ đẻ anh D đã nhận thay tất cả các văn bản tố tụng nêu trên và cam kết giao lại cho anh. Như vậy, anh D đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh D nhưng anh D vẫn không có mặt, không thể hiện ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải G, huyện HH, tỉnh Nam Định ngày 16-9-2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay, anh D không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

[3] Về con chung: Hiện nay vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản và công nợ chung; anh Nguyễn Văn D cũng không có ý kiến gì về vấn đề tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000286 ngày 18-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HH, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải G: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái